

Bản án số: 03/2018/HS-ST  
Ngày 26-01-2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN, TỈNH THANH HÓA**

**- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Xuân Sơn.

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Văn Duyên.

2. Ông Nguyễn Xuân Ký.

**- Thư ký phiên tòa ông:** Nguyễn Thu Hằng - Thư ký tòa án huyện Như Xuân.

**- Đại diện VKSND huyện Như Xuân ông:** Lê Anh Ngọc - Kiểm sát viên.

Vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 26/01/2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2017/HSST ngày 26 tháng 12 năm 2017, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXX ngày 15/01/2018, đối với các bị cáo:

1. Lê Hồng Đ ; Sinh ngày 07 tháng 10 năm 1977 tại xã Xuân Bình, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn Mơ, xã Xuân Bình, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Trình độ văn hoá: 03/12; Dân tộc: Thổ; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Lê Văn H và bà Lê Thị Th ; Có vợ tên là: Trương Thị V và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2005; Tiền án: Không; Tiền sự: 02. Ngày 29/6/2016 bị Công an xã Xuân Bình xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với số tiền là 750.000 đồng (Chưa chấp hành); Ngày 03/6/2017 bị Công an xã Xuân Bình xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi trộm cắp tài sản với số tiền là 1.500.000 đồng (Chưa chấp hành); Nhân thân: Ngày 28/8/2006 bị Chủ tịch UBND huyện Như Xuan xử lý hành chính bằng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc; Ngày 26/9/2012 bị Chủ tịch UBND huyện Như Xuan xử lý hành chính bằng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc; Bị tạm giam từ ngày 13/10/2017 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Đình N ; Sinh ngày 10 tháng 5 năm 1972 tại xã Xuân Bình, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn Mơ, xã Xuân Bình, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Trình độ văn hoá: 03/12; Dân tộc: Thổ; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Lê Đình Q và bà Lê Thị Ch ; Có vợ tên là: Vi Thị Th và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2004; Tiền án; Tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/11/2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

**- Người bị hại:** Chị Lê Thị Ph – Sinh năm: 1983 ( có mặt)

Trú tại: Hồ Tùng Mậu, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** anh Lê Đình L –SN: 1992

Trú tại: thôn 8, xã Xuân Hòa, Như Xuân, Thanh Hóa ( Vắng mặt)

**- Người làm chứng:** 1. Anh Lê Công H - SN: 1978

Trú tại: Thôn Mơ, Xuân Bình, Như Xuân, Thanh Hóa ( vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ ngày 14/8/2017, Lê Hồng Đ đi bộ từ nhà ra quán ăn đêm ở thôn 1, xã Bãi Trành, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa để ăn đêm. Sau khi ăn xong, Đ đi bộ một mình trở về nhà, trên đường về, Đ đi qua nhà ông Lê Văn T ở thôn Mơ, xã Xuân Bình, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa thì nhìn thấy nhà ông T đang sáng đèn mà không khóa cửa (do nhà ông T mới xây nên chưa lắp cửa). Đức nảy sinh ý định đột nhập vào trong nhà để trộm cắp tài sản nên đã đi bộ từ ngoài đường vào thẳng trong nhà ông T . Lợi dụng lúc những người trong nhà ông T đang ngủ say, Đ tìm kiếm xung quanh không thấy gì. Khi đi đến phòng ngủ của chị Ph (là con gái ông T ) thì thấy chị Ph và con trai đang nằm ngủ trên giường. Đ thấy có một chiếc ĐTDĐ IPHONE 6S màu Gold của chị Ph đang để trên đầu giường ngủ, Đ liền lấy chiếc điện thoại bỏ vào túi quần rồi đi ra hướng đường Hồ Chí Minh. Khoảng 06 giờ ngày 14/8/2017, thấy nhà anh Lê Công H ở thôn Xuân Phúc, xã Bãi Trành, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa đang mở cửa nên Đ đã đi vào và cầm cố chiếc điện thoại trộm cắp được của chị Ph cho anh H lấy 200.000đ để lấy tiền tiêu sài cá nhân và hẹn anh H đến ngày 18/8/2017 sẽ chuộc lại chiếc điện thoại đã cầm (khi cầm cố chiếc điện thoại cho anh H , Đ không nói cho anh H biết đây là tài sản trộm cắp được).

Đến khoảng 18 giờ ngày 18/8/2017, Đ gặp Lê Đình N và nói cho N biết việc Đ đã trộm cắp được chiếc ĐTDĐ IPHONE 6S của chị Ph vào ngày 14/8/2017 mà Đ đang cầm cố ở nhà anh Lê Công H với giá 200.000đ. Đ bàn với N lấy tiền để chuộc chiếc điện thoại đó ra để bán với giá cao hơn để lấy tiền tiêu sài. N đồng ý và về nhà lấy tiền, rồi mượn xe mô tô WAVE RS màu đỏ - đen BKS 36L5-3942 của cháu là Lê Đình Ch nói là đi công việc. N đi xe máy chở Đ đến nhà anh H rồi N trực tiếp đưa cho anh H số tiền là 320.000đ để chuộc lại chiếc điện thoại mà Đ đã cầm sau khi trộm cắp được (gồm tiền cầm ĐTDĐ, tiền lãi và tiền một cục sạc). Sau đó, N quay về nhà trả chiếc xe mô tô trên cho anh Ch rồi N mượn xe mô tô WAVA ALPHA màu xanh - đen BKS 36L9 - 0486 của vợ mình là Vi Thị Th nói là đi công việc. Sau đó N tiếp tục chở Đ đến quán nhà anh Lê Đình L ở Thôn 8, xã Xuân Hòa, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa để bán chiếc ĐTDĐ IPHONE 6S trộm cắp được của chị Ph . Sau khi kiểm tra máy, anh L nói với Đ “*anh lấy máy này ở đâu?*”, Đ trả lời “*máy của anh mới mua mà*”, anh L nói tiếp “*anh đọc mật khẩu Icloud đi*”, Đ trả lời “*anh quên mất rồi*”, anh L nói tiếp “*máy này không mở được Icloud nên em chỉ mua lấy phụ tùng thôi, nếu anh bán thì em mua với giá 500.000đ*”. Sau khi thỏa thuận xong Đ đồng ý bán chiếc ĐTDĐ IPHONE 6S trộm cắp được của chị Ph với giá 500.000đ và 50.000đ tiền cục sạc, tổng cộng là 550.000đ. Số tiền này đã được Đ đưa cho N 320.000đ và 20.000đ (tiền đồ xăng), còn lại 210.000đ, Đ và N dùng hết vào mục đích tiêu sài cá nhân.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Như Xuân đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 37 ngày 03/7/2017 đối với chiếc ĐTDĐ IPHONE 6S màu Gold của chị Ph

mà Đ đã trộm cắp được ngày 14/8/2017. Ngày 31/8/2017, Hội đồng định giá tài sản UBND huyện Như Xuân thông báo kết quả định giá tài sản đối với chiếc nói trên có tổng giá trị là 6.400.000đ.

Trong quá trình điều tra, các bị cáo Lê Hồng Đ, Lê Đình N đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, ăn năn, hối cải và mong được hưởng sự khoan hồng của pháp luật. Lời khai của bị can hoàn toàn phù hợp với các tài liệu chứng cứ mà cơ quan điều tra, xác minh, thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại bản cáo trạng số: 02/CT-KSĐT-TA ngày 27/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Lê Hồng Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS; Bị cáo Lê Đình N về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 250 BLHS.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo. Kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 33 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Hồng Đ từ 09 đến 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Hạn tù tính từ ngày bắt theo Quyết định truy nã: ngày 13/10/2017.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 250; điểm h, p khoản 1 Điều 46 và Điều 31 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Đình N từ 09 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng khoản 5 Điều 138 và khoản 5 Điều 250 BLHS làm hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về phần bồi thường trách nhiệm dân sự: Các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Lê Đình L số tiền = 550.000 đồng.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1]** Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Như Xuân, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai nhận của bị cáo tại cơ quan điều tra, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 03 giờ ngày 14/8/2017, Lê Hồng Đ đã có

hành vi lén lút, đột nhập vào nhà ông Lê Văn T lấy trộm một chiếc điện thoại di động IPHONE 6S màu Gold của chị Lê Thị Ph (là con gái của ông T ) có giá trị là 6.400.000đ. Do đó, hành vi của bị cáo Lê Hồng Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS.

Bị can Lê Đình N tuy không tham gia cùng Đ trộm cắp tài sản vào ngày 14/8/2017 nhưng N biết việc Đ đã trộm cắp chiếc điện thoại của chị Ph , vì tư lợi và muốn hưởng lợi từ tài sản trộm cắp mà N đã dùng xe mô tô chở Đ đi tiêu thụ tài sản trộm cắp. Hành vi nêu trên của Lê Đình N đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 BLHS.

**[2]** Xét về tính chất, mức độ hành vi, hậu quả và nhân thân thấy rằng:

Đây là vụ án xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hiện nay trên địa bàn huyện Như Xuân liên tục xảy ra các vụ trộm cắp tài sản do các đối tượng nghiện ma túy thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã xâm hại trực tiếp đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây thiệt hại kinh tế cho người khác, gây mất trật tự và an toàn xã hội. Vì vậy cần phải có hình phạt nghiêm đối với bị cáo để trừng trị và giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa và giáo dục những người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

**[3]** Xét vai trò của từng người trong vụ án:

Trong vụ án này các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm, nhưng là đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể; các bị cáo phạm tội ở các thời điểm khác nhau. Xong cũng cần xem xét các vai trò của từng bị cáo trong vụ án để đưa ra mức hình phạt cho phù hợp. Bị cáo Đ là người trộm cắp tài sản và sau khi trộm cắp được đã rủ rê bị cáo N cùng tham gia đưa đi tiêu thụ.

Đối với bị cáo Lê Hồng : Là người trực tiếp đi trộm cắp tài sản của chị Ph vào ngày 14/8/2017, sau đó bị cáo đem đến cầm cố tại nhà anh Lê Công H với số tiền là 200.000 đồng và hẹn đến ngày 18/8/2017 sẽ đến chuộc lại. Đến ngày 18/8/2017 bị cáo Đ gặp bị cáo Lê Đình N và nói với N toàn bộ diễn biến sự việc và được N đồng ý giúp sức nên trong vụ án này bị cáo Đ giữ vai trò chính và phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo N .

Đối với bị cáo Lê Đình N : Khi được bị cáo Đ rủ rê, N đã không ngần ngại mà còn tích cực giúp sức Đ đưa tài sản trộm cắp đi tiêu thụ. Vì vậy, trong vụ án này bị cáo Lê Đình N có vai trò thứ yếu nên hình phạt có phần thấp hơn bị cáo Lê Hồng Đ .

**[4]** Xét về nhân thân:

- Đối với bị cáo Lê Hồng Đ : Tiền án: Không; Tiền sự: 02. Ngày 29/6/2016 bị Công an xã Xuân Bình xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với số tiền là 750.000 đồng (Chưa chấp hành); Ngày 03/6/2017 bị Công an xã Xuân Bình xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi trộm cắp tài sản với số tiền là 1.500.000 đồng (Chưa chấp hành); Nhân thân: Ngày 28/8/2006 bị Chủ tịch UBND huyện Như Xuan xử lý hành chính bằng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc; Ngày 26/9/2012 bị Chủ tịch UBND huyện Như Xuan xử lý hành chính bằng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc. Bị cáo tuổi đời còn trẻ, có sức khỏe nhưng không chịu khó làm ăn mà sớm đi vào con đường phạm tội. Lẽ ra sau lần vi phạm trước bị cáo phải nhận thức được lỗi lầm của

mình để cố gắng cải tạo trở thành người có ích cho xã hội, nhưng với bản chất coi thường pháp luật, bị cáo lại cố ý thực hiện hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử cần lên cho bị cáo một mức án nghiêm minh và buộc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

- Đối với bị cáo Lê Đình N có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải trước lỗi lầm đã phạm; sau khi phạm tội bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái nên đã tự nguyện đến Cơ quan Công an để đầu thú nên khi lượng hình được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS nên hành vi của bị cáo chỉ cần xem xét xử phạt mức án cải tạo không giam giữ tại địa phương là phù hợp.

**[5].** Về phần bồi thường trách nhiệm dân sự: Các bị cáo phải liên đới bồi thường cho anh Lê Đình L – SN: 1982. Trú tại: Thôn Xuân phúc – Bãi Trành-Như Xuân-Thanh Hóa số tiền 550.000 đồng các bị cáo đã nhận của anh L khi bán tài sản trộm cắp, cụ thể: Bị cáo N đã dùng số tiền của mình là 320.000 đồng để thanh toán tiền cầm cố cho bị cáo Đ, sau khi nhận chiếc điện thoại các bị cáo đem bán cho anh L = 550.000 đồng, Đ đã thanh toán lại cho N = 320.000 đồng còn lại 230.000 đồng các bị cáo sử dụng tiêu sài cá nhân chung, nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường cho anh lâm phần tài sản bằng nhau, cụ thể: Mỗi bị cáo phải bồi thường = 550.000 đồng : 2 = 275.000 đồng.

**[6]** Xét về phần vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động IPHONE 6S màu Gold. Đây là tài sản hợp pháp của chị Lê Thị Ph – Sinh năm: 1983 – Trú tại: Hồ Tùng Mậu, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Vì vậy cần tuyên trả lại cho Ph là phù hợp.

- Đối với 01 hộp giấy đựng ĐTDĐ màu trắng, phía trên nắp hộp có hình hoa màu vàng - đen, phía hông hộp có chữ IPHONE 6S, đáy hộp có tem dán số IME 35866072619537. Không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 chiếc xe mô tô WAVA ALPHA màu xanh - đen BKS 36L9 - 0486. Là tài sản hợp pháp của chị Vi Thị Th (là vợ bị cáo N), khi bị cáo N lấy đi chị Th không biết để phục vụ cho việc phạm tội nên chiếc xe này cần tuyên trả lại cho chị Vi Thị Th là đúng quy định.

**[7]** Về phần hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, sống phụ thuộc vào gia đình, hoàn cảnh gia đình bị cáo hiện gặp nhiều khó khăn và bị cáo thuộc đối tượng nghiện ma túy. Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo xin miễn giảm hình phạt bổ sung. Vì vậy, HĐXX xét thấy không áp dụng Khoản 5 Điều 138 BLHS làm hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

**[8]** Về các vấn đề khác:

- Đối với anh Lê Công H đã cho Đ cầm cố chiếc ĐTDĐ IPHONE 6S mà Đ đã trộm cắp được của chị Lê Thị Ph. Do anh H không biết chiếc điện thoại này là tài sản do Đ trộm cắp được mà có nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Như Xuân không xử lý trách nhiệm pháp lý đối với anh H là đúng quy định pháp luật.

- Đối với anh Lê Đình L đã mua lại chiếc ĐTDĐ IPHONE 6S mà Đ đã trộm cắp được của chị Lê Thị Ph. Do anh L không biết chiếc điện thoại này là tài sản do Đ trộm cắp được mà có nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Như Xuân không xử lý trách nhiệm pháp lý đối với anh L là đúng quy định pháp luật.

- Đối với chiếc xe mô tô WAVE RS màu đỏ - đen BKS 36L5 -3942, N mượn của anh Lê Đình Ch . Quá trình điều tra xác định, chiếc xe này là xe chính chủ và là tài sản hợp pháp của anh Ch ; khi N mượn xe của anh Ch nói là đi công việc, anh Ch không biết việc N đã dùng xe của mình để chở Đ đi lấy điện thoại trộm cắp từ nhà anh H . Do đó CQĐT đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho anh Ch là phù hợp.

**[9]** Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo có tội nên phải chịu án phí; Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 33 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Lê Hồng Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo Lê Hồng Đ 10 (mười) tháng tù. Hạn tù tính từ ngày bắt theo Quyết định truy nã: ngày 13/10/2017.

Căn cứ khoản 1 Điều 250; điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46 và Điều 31 BLHS 1999. Tuyên bố: Bị cáo Lê Đình N , phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Xử phạt bị cáo: Lê Đình N 8 (Tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày UBND xã Xuân Bình, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa nơi bị cáo thường trú nhận được quyết định thi hành án của Tòa án giao cho giám sát, giáo dục.

Về phần hình phạt bổ sung:

Không áp dụng khoản 5 Điều 138 BLHS và khoản 5 Điều 250 BLHS làm hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về phần bồi thường trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào điều 28 BLTTHS, Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật dân sự năm 2015

Buộc các bị cáo Lê Hồng Đ và Lê Đình N mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh Lê Đình L –SN: 1992. Trú tại: thôn 8, xã Xuân Hòa, Như Xuân, Thanh Hóa (Vắng mặt) mỗi bị cáo số tiền = 275.000 đồng (Hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

**\* Về xử lý vật chứng:** Áp dụng khoản 2,3 điều 41 BLHS; khoản 1, điểm b khoản 2 và khoản 3 điều 76 BLTTHS. Tuyên trả lại 01 chiếc điện thoại di động IPHONE 6S màu Gold. Đây là tài sản hợp pháp của chị Lê Thị Ph – Sinh năm: 1983 – Trú tại: Hồ Tùng Mậu, quận Nam Từ Liên, thành phố Hà Nội.

- Tuyên trả lại 01 chiếc xe mô tô WAVA ALPHA màu xanh - đen BKS 36L9 - 0486. Là tài sản hợp pháp của chị Vi Thị Th (là vợ bị cáo N ), khi bị cáo N lấy đi chị Th không biết để phục vụ cho việc phạm tội nên chiếc xe này cần tuyên trả lại cho chị Vi Thị Th là đúng quy định.

- □p dụng điểm a khoản 1 điều 41 BLHS ; điểm a, đ khoản 2 và khoản 3 điều 76 BLTTHS. Tịch thu, tiêu hủy đối với 01 hộp giấy đựng ĐTDĐ màu trắng, phía trên nắp hộp có hình hoa màu vàng - đen, phía hông hộp có chữ IPHONE 6S, đáy hộp có tem dán số IME 35866072619537.

Hiện số vật chứng trên đang được bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 136 BLTTHS năm 2015; Điều 6, 21, 23, 36, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Lê Hồng Đ và Lê Đình N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000<sup>d</sup> tiền án phí HSST và 300.000 đồng tiền án phí DSST. Tổng cộng mỗi bị cáo phải chịu 500.000 đồng tiền án phí HSST và án phí DSST.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.*

Án xử sơ thẩm công khai. Có mặt bị cáo, có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án; Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Như Xuân;
- Công an huyện Như Xuân;
- THA DS huyện Như Xuân;
- Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Đặng Xuân Sơn**